

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2024.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thuyền.
2. Ông Lại Thiện Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 210/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Danh T, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị Thị Đ, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Danh T trình bày: Anh và chị Thị Đ xây dựng hôn nhân năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống không có con chung. Về tài sản chung không có. Anh và chị Đ cũng không nợ tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng nào. Quá trình chung sống, anh và chị Đ bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được. Vì vậy, anh và chị Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, anh và chị Đ cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị Đ. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh T không còn yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chị Thị Đ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, chị Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà chị Đ để tiến hành lấy lời khai nhưng chị Đ không đồng ý cho lấy lời khai nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của chị Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị Đ. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh Danh T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với chị Thị Đ. Khi khởi kiện, chị Đ có địa chỉ tại ấp T, xã Nà, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Danh T có đơn xin xét xử vắng mặt và chị Thị Đ vắng mặt hai lần không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị Đ theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Danh T và chị Thị Đ tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2015 ngày 27 tháng 3 năm 2015 nên hôn nhân giữa anh T và chị Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Anh Danh T xác định quá trình chung sống, anh và chị Đ không cùng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đồng thời, anh và chị Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 10 tháng 9 năm 2024, ông Phan Tấn L là Trưởng ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu xác định “*anh T và chị Đ xây dựng hôn nhân vào năm 2015, quá trình chung sống không có con chung. Không rõ lý do gì, sau khi lấy nhau chưa được 1 năm thì chị Thị Đ bỏ về nhà mẹ để sống cho đến nay không thấy anh T qua lại, tới lui hàn gắn. Chị Đ và anh T cứ vậy sống ly thân cho đến nay*”. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị Đ đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm

trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ biết anh T yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh T, điều này thể hiện thông qua việc Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Đ để hòa giải, xét xử nhưng chị Đ có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Do đó, anh T yêu cầu được ly hôn với chị Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh Danh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Danh T xác định anh và chị Đ không có tài sản chung và nợ chung. Đồng thời, anh T và chị Đ cũng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Danh T đối với chị Thị Đ. Xử cho anh Danh T được ly hôn với chị Thị Đ.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Anh Danh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Danh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007814 ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện H, Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện H, Bạc Liêu;
- UBND xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Thị Lệ Thu